

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 26/11/2025

V/v: Tranh chấp lỗi đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2026/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp lỗi đi chung. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2025/QĐ-PT ngày 30/10/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tiểu khu T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu T, xã M, tỉnh Sơn La). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Mạnh S, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tiểu khu T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu T, xã M, tỉnh Sơn La). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Đại L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Trần Tuấn P, sinh năm 1994 và chị Đào Thị Thùy L1. Địa chỉ: Tiểu khu 3/2, xã M, tỉnh Sơn La. Anh P có mặt, chị L1 vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 12/6/2023 ông Phan Đại L và bà Nguyễn Thị L2 (nay đã chết) chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Tuấn P và bà Đào Thị Thuỳ L1 (giáp đường đi chung). Ngày 13/4/2024 ông P, bà L1 chuyển nhượng lại quyền sử dụng của diện tích đất trên cho ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị P1 (diện tích khoảng 0,4ha và giáp đường đi chung) với giá 380.000.000VNĐ. Diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: phía đông giáp đường bê tông cạnh chùa, phía tây giáp nhà HL, phía nam giáp nhà KT, phía bắc giáp nhà TT.

Khi ông T, bà P1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P, bà L thì đất đã được rào bằng lưới thép gai bao quanh đất và không có tranh chấp giáp ranh với các hộ liền kề. Nằm giữa diện tích đất mà ông T nhận chuyển nhượng và chùa của ông Đỗ Mạnh S có 01 con đường bê tông mà khoảng 20 hộ dân đi làm nương đều đi qua và đã được sử dụng từ trước khi còn là đường mòn. Đây là con đường duy nhất để đi từ đường QL6C vào diện tích đất gia đình ông T nhận chuyển nhượng. Con đường bê tông do ai làm và làm từ thời điểm nào ông T không biết. Đến tháng 11/2024, ông S cho người tiến hành chôn cột, bắn mái tôn và chắn đường khiến gia đình ông T không có đường vào nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Ngày 19/11/2024, UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La đã lập biên bản làm việc với ông S và những người có liên quan do ông S làm mái tôn ra đường đi chung và yêu cầu ông S phải tháo dỡ công trình vi phạm. Ngày 03/12/2024, UBND xã C tiếp tục lập biên bản làm việc yêu cầu ông S phải tháo dỡ mái tôn đã làm ở đường đi chung nhưng đến nay ông S vẫn không chấp hành.

Do đó, ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết: Buộc ông Đỗ Mạnh S phải tháo dỡ toàn bộ mái tôn, công trình vi phạm, trả lại đường đi chung bên cạnh diện tích đất của ông T.

Tại biên bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Mạnh S trình bày:

Ông Đỗ Mạnh S là người tu tại gia nên có lập một đền thờ tại gia đình thuộc tiểu khu T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu T, xã M, tỉnh Sơn La). Đền thờ được xây dựng trên một phần đất thổ cư nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thái H (cùng trú tại tiểu khu T) từ năm 2005 và một phần đất do gia đình ông Phan Đại L hiến tặng theo giấy tặng cho đất ngày 28/11/2017. Từ Quốc lộ 6C vào thì chỉ có đường đến nhà ông Trần Hữu N, bà Trần Thị Đ, tức đến sân đền thờ của ông S. Phần diện tích đất ông T cho rằng là đường đi chung là do ông S tự đổ bê tông sau khi được ông L và bà L2 tặng cho đất để làm đường vào đền thờ, không có sự đóng góp tài sản của người khác. Từ xưa đến nay không có con đường hay đường mòn

nào tại vị trí đó. Việc làm mái che cũng là do nhu cầu sử dụng của ông S và đền thờ. Đối với diện tích đất ông T được nhận chuyển nhượng ông S không biết chi tiết nhưng có lối đi vào đất mà ông T nhận chuyển nhượng. Ông S chỉ bảo vệ phần diện tích đất mà ông L đã tặng cho đền thờ nên mới làm rào chắn.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu ông S tháo dỡ mái tôn, công trình, trả lại đường đi chung thì ông S không nhất trí, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đại L trình bày như sau:

Ông Phan Đại L xác nhận năm 2017 do nhu cầu của am thờ do ông S quản lý cần làm sân nên gia đình ông đã tự nguyện tặng diện tích đất có chiều dài 65m, chiều rộng 4,9m trong diện tích đất của gia đình ông đang quản lý, sử dụng. Phần diện tích đất tặng cho ông S giáp với diện tích đất mà gia đình ông đã tặng cho ông S trước đó; hai bên có lập biên bản tặng cho và vẽ tay sơ đồ đất. Việc ông S đổ bê tông làm đường là do nhu cầu của ông S, gia đình ông L không can thiệp do đã tặng cho ông S.

Phần diện tích đất còn lại giáp với diện tích đất đã tặng cho ông S thì gia đình ông bà đã chuyển nhượng lại cho gia đình anh Trần Tuấn P và chị Đào Thị Thùy L1 vào ngày 26/12/2023. Hai bên có lập biên bản chuyển nhượng trong đó ghi rõ diện tích đất chuyển nhượng quyền sử dụng là 0,35ha, ngoài ra không có nội dung nào khác. Do vậy, việc ông T cho rằng phần đường bê tông đang tranh chấp là đường đi chung là không có căn cứ do toàn bộ đều thuộc thửa đất do gia đình ông quản lý, sử dụng trước đó, không có con đường nào từ trước đi qua đất của gia đình ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn P trình bày như sau:

Năm 2023 gia đình anh Tuấn có nhận chuyển nhượng từ gia đình ông bà L2 L và sau đó gia đình anh chuyển nhượng lại cho gia đình ông T, bà P1. Khi gia đình anh nhận chuyển nhượng từ gia đình ông L thì vẫn có đường đi và được con gái của ông L chỉ cho gia đình anh biết. Khi gia đình anh và gia đình ông L thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diễn ra rất gấp do nhà ông L cần tiền chữa bệnh cho bà L1 nên hai bên đã không đi đo đạc thực tế hay có sơ đồ nào thể hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp vào ngày 18/7/2025, kết quả:

- Tổng diện tích đất tranh chấp là 233,6m². Địa chỉ thửa đất: tiểu khu T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu T, xã M, tỉnh Sơn La). Toàn bộ diện tích

đất đã được ông Đỗ Mạnh S đổ bê tông làm đường vào am thờ từ năm 2017, diện tích đã được ông S bắn mái tôn là 89,7m² từ tháng 11/2024. Tứ cạnh như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông hướng ra Quốc lộ 6C có chiều dài 4,31m.

Phía Đông giáp rãnh nước có chiều dài 56,92m.

Phía Nam giáp đất ông T2, bà L3 có chiều dài 3,64m.

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Minh T có chiều dài 57,67m.

Vị trí và hình thể thửa đất được thể hiện tại Sơ đồ thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đoàn Gia Sơn La đo đạc theo Hợp đồng ký kết với Tòa án kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ khác như khai thác Bản đồ địa chính chính quy xã C, huyện M, tỉnh Sơn La hoàn thành ngày 31/12/2013, số tờ bản đồ 189. Xác minh về vị trí thửa đất đang tranh chấp sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối chiếu bằng phương pháp lồng ghép sơ đồ giữa sơ đồ trích đo thửa đất với bản đồ địa chính xã C (cũ) được lưu trữ với Phòng kinh tế xã M, tỉnh Sơn La. Xác minh nguồn gốc diện tích đất có tranh chấp với Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu Sơn La.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La, quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 233,6m², thửa số 27, tờ bản đồ số 189, có địa chỉ thửa đất tại tiểu khu T, xã C, huyện M (nay là tiểu khu T, xã M), tỉnh Sơn La về việc tranh chấp lối đi chung và yêu cầu buộc bị đơn ông Đỗ Mạnh S tháo dỡ cọc, mái tôn dựng trên diện tích đất có tranh chấp.

Vị trí tiếp giáp cụ thể của diện tích 233,6m² đất có tranh chấp như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông hướng ra Quốc lộ 6C có chiều dài 4,31m.

Phía Đông giáp rãnh nước có chiều dài 56,92m.

Phía Nam giáp đất ông T2, bà L3 có chiều dài 3,64m.

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Minh T có chiều dài 57,67m.

Vị trí, kích thước, hình thể thửa đất được thể hiện tại Sơ đồ thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đoàn Gia Sơn La đo đạc theo Hợp đồng ký kết với Tòa án kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung cho rằng bản án sơ thẩm không khách quan, trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định phần diện tích đất ông Đỗ Mạnh S đổ bê tông, bắn mái tôn là lối đi chung với lý do đường bê tông thuộc phần diện tích đất ông Tiến nhận chuyển nhượng từ anh Trần Tuấn P và chị Đào Thị Thuỳ L1, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn: Không nhất trí kháng cáo của nguyên đơn vì phần diện tích đất ông Sơn đổ bê tông làm lối đi riêng, có nguồn gốc do ông Phan Đại L tặng cho từ năm 2017, sử dụng ổn định từ năm 2017 đến nay, xác định phần diện tích làm lối đi riêng đồng thời cũng là sân để xe, do ông S tự đổ bê tông, không có sự đóng góp tài sản của người khác. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Tuấn P: Tại thời điểm nhận chuyển nhượng từ gia đình ông bà L2 L, do nhà ông L cần tiền chữa bệnh cho bà L2 nên hai bên đã không đi đo đạc thực tế hay có sơ đồ nào thể hiện. Khi chuyển nhượng cho ông T, anh cũng không tiến hành đo đạc mà chỉ ước chừng phần diện tích đất chuyển nhượng cho ông Tiến là 0,4ha.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đại L: Ông L xác nhận năm 2017 đã tặng cho một phần diện tích đất cho ông S để làm sân đền, phủ. Việc ông S đổ bê tông làm đường là do nhu cầu của ông S, gia đình ông Lý không can thiệp do đã tặng cho ông S. Khi chuyển nhượng đất cho anh Trần Tuấn P và chị Đào Thị Thuỳ L1, hai bên có lập biên bản chuyển nhượng trong đó ghi rõ diện tích đất chuyển nhượng quyền sử dụng là 0,35ha, ngoài ra không có nội dung nào khác.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ toàn bộ mái tôn, công trình vi phạm, trả lại đường đi chung bên cạnh diện tích đất của nguyên đơn tại tiểu khu T, xã C, huyện M (nay là tiểu khu T, xã M), tỉnh Sơn La. Bị đơn xác định đây là phần đất của bị đơn và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp lối đi chung” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết theo đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các đương sự, tuy nhiên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Thùy L1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L1 không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập, không có kháng cáo và quyền, nghĩa vụ của chị phát sinh gắn liền với quyền, nghĩa vụ của anh P trong cùng một giao dịch, nội dung kháng cáo của ông T cũng không liên quan trực tiếp đến việc xem xét quyền lợi riêng biệt của chị L1. Do sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị Thùy L1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T:

[3.1] Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/9/2025, ngày 16/9/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trong thời hạn luật định, đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó kháng cáo được chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3.2] Về nội dung kháng cáo:

[3.2.1] Về nguồn gốc, hiện trạng và quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất đang tranh chấp là 233,6m², tại tiểu khu T, xã M, tỉnh Sơn La. Toàn bộ diện tích đất đã được ông Đỗ Mạnh S đổ bê tông làm đường vào am thờ từ năm 2017, diện tích đã được ông S bán mái tôn là 89,7m² từ tháng 11/2024.

Về nguồn gốc thửa đất: căn cứ những tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thể hiện diện tích đất đang tranh chấp do Nông trường Tô hiệu quản lý, gia đình ông Phan Đại L và bà Nguyễn Thị L2 là người sử dụng lâu dài, loại đất là đất nông nghiệp. Từ năm 2001, Nông trường Tô Hiệu đã không còn quản lý diện tích đất trên và không thể hiện trên bản đồ của Nông trường Tô Hiệu nhưng đến năm 2014 mới chính thức giao lại cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La quản lý.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2025 đối với Phòng kinh tế - UBND xã M, tỉnh Sơn La xác nhận: Diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 189 xã C (nay thuộc xã M, tỉnh Sơn La) có địa chỉ thửa đất tại tiểu khu T, xã C, huyện M (nay là xã M), tỉnh Sơn La, người sử dụng đất theo quy chủ là công ty TNHH nông nghiệp Tô Hiệu – Sơn La. Diện tích đất trên không nằm trong phần UBND tỉnh Sơn La thu hồi từ Công ty TNHH nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La.

Diện tích đất đang có tranh chấp thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 189 xã C (nay thuộc xã M, tỉnh Sơn La), người sử dụng đất thực tế là ông Phan Đại L và bà Nguyễn Thị L2 (đã chết) đã tặng cho ông Đỗ Mạnh S vào ngày 28/11/2017. Trong các sơ đồ địa chính đều không thể hiện có con đường nào đi qua thửa đất số 27 và diện tích đất có tranh chấp không phải là lối đi chung. Ngoài ra, căn cứ sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2025 của TAND khu vực 4 – Sơn La thể hiện: tiếp giáp với đường đi ra Quốc lộ 6C và diện tích đất do ông Nguyễn Minh T đang quản lý, sử dụng có phần tiếp giáp dài 4,3m, có thể mở lối đi vào diện tích đất của gia đình ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và anh P cho rằng ông L đã bán cho anh P cả diện tích đất đổ bê tông nhưng không có căn cứ chứng minh, đồng thời vẫn thừa nhận ông S là người đổ con đường bê tông. Như vậy không có căn cứ xác định diện tích đất đang có tranh chấp là lối đi chung. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[3.2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc không đưa bà Trần Thị P1 vào tư cách người tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện ban đầu tháng 01/2025 đề tên người khởi kiện là ông Nguyễn Minh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà

Trần Thị P1, tại mục ký tên người làm đơn lại chỉ có bà P1 ký tên với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do nội dung đơn khởi kiện chưa đảm bảo, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Minh T sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện. Nguyên đơn đã gửi lại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và xác định nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T, bị đơn là ông Đỗ Mạnh S, ngoài ra không xác định thêm ai khác tham gia tố tụng, bà P1 cũng không có văn bản, yêu cầu hay ý kiến độc lập gửi Tòa án trong suốt quá trình giải quyết. Xét thấy Tòa án khu vực 4 - Sơn La đã xác định đầy đủ người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3.2.3] Đối với yêu cầu xác định tuổi mục: Xét thấy các tài liệu chứng minh có trong hồ sơ đều thể hiện nguồn gốc đất là của ông L, tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm ông L đều xác nhận đã tặng cho ông Đỗ Mạnh S phần diện tích đất đang tranh chấp. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông T không đề nghị thực hiện giám định, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc xác định tuổi mục có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án. Hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ và thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất đang tranh chấp, việc chữ ký được lập vào thời điểm nào không làm thay đổi bản chất tranh chấp và không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết. Do đó, yêu cầu giám định tuổi mục của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[3.2.4] Trong đơn kháng cáo, ông Nguyễn Minh T cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là lối đi chung, được hình thành từ con đường mòn mà trước đây 13 hộ gia đình sử dụng để đi làm nương. Tuy nhiên, ông T không xác định được cụ thể 13 hộ gia đình này là những hộ nào, không cung cấp được họ tên, địa chỉ hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ khách quan nào chứng minh có sự tồn tại của con đường mòn cũng như quyền sử dụng chung của các hộ dân đối với diện tích đất này. Ngoài lời khai của ông T thì hồ sơ vụ án không có văn bản, xác nhận, ý kiến hay đơn trình bày nào của các hộ dân được cho là có liên quan, cũng không có biên bản họp dân, xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện việc 13 hộ gia đình từng sử dụng hoặc có tranh chấp về lối đi chung tại vị trí đang xét. Ngược lại, kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm cùng bản đồ địa chính, sơ đồ lồng ghép và lời khai thống nhất của ông Phan Đại L – người sử dụng đất trước đây – đều thể hiện thửa đất số 27 không có con đường nào đi qua, và phần đất tranh chấp là diện tích mà gia đình ông L đã tặng cho ông S để làm đường vào am thờ từ năm 2017, không phải lối đi chung của cộng đồng mà chỉ là lối đi cho những người đến tu tập tại am chùa. Vì vậy, lập luận kháng cáo của ông T về việc đây là lối đi chung dựa trên “đường mòn của 13 hộ dân” là không có cơ sở chứng minh, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ khách quan trong hồ sơ vụ án và không đủ căn cứ để chấp nhận.

[3.2.5] Đối với nội dung kháng cáo ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cho ông Sơn giữ lại nhà khung sắt mái tôn là đương nhiên thừa nhận đất đang tranh

chấp là lỗi đi chung để ông S chiếm dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T, đối với việc xem xét tính hợp pháp của các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi quan hệ tranh chấp dân sự do các bên khởi kiện. Cấp sơ thẩm đã nêu rõ trong bản án rằng nếu công trình xây dựng vi phạm, UBND xã M có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3.2.6] Từ nhận định, phân tích nêu trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 0000244 ngày 18/9/2025.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 – Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

